

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018.

**Đơn vị:** TTYT Huyện Cao Lộc

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 17/12/2018).

### I – BÁO CÁO KẾT QUẢ SÀNG LỌC TỔNG QUÁT

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Thông tin mẫu lần 1		
	Tổng mẫu mới	21	100%
	Nguy cơ thấp	21	100.00%
	Nghi ngờ	0	0.00%
2	Tỷ lệ thu lại mẫu lần 2		
	Mẫu cần thu lại lần 2(Kết quả NCC lần 1)	0	0.00%
	Mẫu đã thu lại lần 2	0	NaN%
	Mẫu chưa thu lại lần 2	0	NaN%
3	Kết quả Sàng lọc sơ sinh	Mẫu nguy cơ cao lần 1 (Chưa được thu lại mẫu)	Mẫu thu lại lần 2
			Nguy cơ cao      Nguy cơ thấp
	G6PD	0	0      0
	CH	0	0      0
	CAH	0	0      0
	PKU	0	0      0
	GAL	0	0      0
	HEMO	0	0      0

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018

**Đơn vị:** TTYT Huyện Cao Lộc

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 17/12/2018)

### II – BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng số mẫu	21	
2	Giới tính		
	Nam	10	
	Nữ	11	
	Nam/Nữ	0.91	
3	Phương pháp sinh		
	Sinh mổ	1	4.76%
	Sinh thường	20	95.24%
	N/A	0	0.00%
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại trang 3)		
	N/A	0	0.00%
	Dưới 18 tuổi	0	0.00%
	Từ 18 đến 35 tuổi	21	100.00%
	Trên 35 tuổi	0	0.00%
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)		
	Sinh con thứ 3	1	4.76%
	Sinh con thứ 4	2	9.52%
	Sinh con thứ 5 trở lên	1	4.76%
6	Gói xét nghiệm		
	2 bệnh	0	0.00%
	3 bệnh	21	100.00%
	5 bệnh	0	0.00%
	2 bệnh + Hemo	0	0.00%
	3 bệnh + Hemo	0	0.00%
	5 bệnh + Hemo	0	0.00%
7	Chương trình sàng lọc		
	Quốc gia	0	0.00%
	Xã hội hóa	21	100.00%
	Demo	0	0.00%
8	Chất lượng mẫu		
	Mẫu đạt chất lượng	9	42.86%
	Mẫu không đạt chất lượng	12	57.14%
	Giọt máu chồng lên nhau	1	4.76%
	Thu mẫu sớm (trước 24h tuổi)	1	4.76%
	Mẫu ít	3	14.29%
	Không thấm đều 2 mặt	4	19.05%
	Thời gian gửi mẫu muộn	9	42.86%

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018

**Đơn vị:** TTYT Huyện Cao Lộc

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 17/12/2018)

### III – BÁO CÁO CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Thông tin	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)
1	Cân nặng trẻ (g)	21	0	21	0	0	0
	< 2500	0	0	0	0	0	0
	2500 ≤ X < 3000	8	0	8	0	0	0
	3000 ≤ X < 3500	10	0	10	0	0	0
	3500 ≤ X < 4000	3	0	3	0	0	0
	4000 ≤ X < 4500	0	0	0	0	0	0
	4500 ≤ X < 5000	0	0	0	0	0	0
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0
2	Tuổi mẹ	21	0	21	0	0	0
	N/A	0	0	0	0	0	0
	13	0	0	0	0	0	0
	14	0	0	0	0	0	0
	15	0	0	0	0	0	0
	16	0	0	0	0	0	0
	17	0	0	0	0	0	0
	18 ≤ X < 20	0	0	0	0	0	0
	20 ≤ X < 25	10	0	10	0	0	0
	25 ≤ X < 30	5	0	5	0	0	0
	30 ≤ X < 35	6	0	6	0	0	0
	35 ≤ X < 40	0	0	0	0	0	0
	40 ≤ X < 45	0	0	0	0	0	0
	≥ 45	0	0	0	0	0	0
3	Dân tộc	21	0	21	0	0	0
	Nùng	14	0	14	0	0	0
	Dao	3	0	3	0	0	0
	Tày	3	0	3	0	0	0
	Kinh	1	0	1	0	0	0